

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/KDTM-ST

Ngày: 25-6-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Lê Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Minh Trang - Kiểm sát viên

Mở phiên tòa ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 68/2024/TLST- KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2025/QĐST- KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần B. Địa chỉ: số A, đường C, thôn T, xã B, huyện Đ, Hà Nội. Người đại diện: Ông Nguyễn Đức H - Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc V. Chức vụ: Phó giám đốc. Số CCCD: 022184000839 cấp ngày 14/9/2024. (Giấy ủy quyền ngày 20/6/2025). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ. Địa chỉ: Số B - BT4, Khu đô thị V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N. Chức vụ Phó tổng giám đốc. Số CCCD: 036091020531 cấp ngày 23/8/2022. (Giấy ủy quyền ngày 18/5/2025). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/4/2019, Công ty cổ phần B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) ký kết hợp đồng kinh tế số 29042019/HV-TA. Theo đó Công ty cổ phần B (bên bán) bán cho Công ty Cổ phần Đ (bên mua) bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình: Thi công các căn biệt thự Song lập và S thuộc lô đất số 15.

Đơn giá trên là tại thời điểm ký Hợp đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, thuế giá trị gia tăng (VAT = 10%). Khi thị trường biến động, có thay đổi giá bán, bên bán có trách nhiệm thông báo cho bên mua để hai bên cùng đàm phán về đơn giá bê tông. Bên bán giao hàng, xuất hóa đơn theo số lượng đặt hàng và trong thời gian yêu cầu của bên mua. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính; chậm thanh toán phải chịu mức lãi 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến hết ngày 31/5/2020, bên bán đã giao cho bên mua số hàng hóa có tổng giá trị là 3.911.137.500 đồng (ba tỷ, chín trăm mười một triệu, một trăm ba bảy ngàn, năm trăm đồng); bên mua đã đặt cọc, chuyển trả bên bán số tiền 4.812.265.000 đồng. Sau đó, bên mua (là Công ty Đ) đề nghị bên bán (là Công ty B) hoàn lại cho bên mua số tiền 1.370.000.000 đồng. Thực tế số tiền Công ty Đ đã thanh toán trả Công ty B là 3.442.265.000 đồng.

Bên bán đã xuất hóa đơn đỏ với giá trị hàng hóa 3.911.137.501 đồng (ba tỷ, chín trăm mười một triệu, một trăm ba bảy ngàn, năm trăm linh một đồng) cho bên mua. Số tiền còn nợ lại là 468.872.500 đồng (bốn trăm sáu tám triệu, tám trăm bảy hai nghìn, năm trăm đồng) bên bán đã rất nhiều lần yêu cầu bên mua thanh toán dứt điểm song không có kết quả.

Do nhiều hóa đơn cần thanh toán ở nhiều thời điểm khác nhau (từ 22/5/2019 đến tháng 15/01/2020), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả từ thời điểm khoản nợ cuối cùng phát sinh nghĩa vụ thanh toán (có lợi hơn cho phía nguyên đơn) là ngày 01/11/2020.

Đến nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán trả Công ty B:

- Toàn bộ số nợ gốc đến hết ngày 25/6/2025 là: 468.872.500 đồng (*bốn trăm sáu tám triệu, tám trăm bảy hai nghìn, năm trăm đồng*).

- Khoản lãi chậm trả cho số tiền gốc chưa thanh toán tính từ ngày chậm trả 01/11/2020, tạm tính đến hết ngày 25/6/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (thấp hơn mức lãi trung bình của các Ngân hàng thương mại) là 193.749.829 đồng (một trăm chín ba triệu, bảy trăm bốn chín ngàn, tám trăm hai chín đồng).

Tổng hai khoản là 662.622.329 đồng (*sáu trăm sáu hai triệu, sáu trăm hai hai ngàn, ba trăm hai chín đồng*).

- Và khoản tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ công nợ theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Bị đơn xác nhận có ký kết thực hiện hợp đồng và đã thanh toán số tiền như nguyên đơn trình bày.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty B1 đề nghị phương án giải quyết như sau: Chậm nhất đến ngày 19/5/2026, Công ty cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán trả Công ty cổ phần B toàn bộ số tiền gốc như số liệu nguyên đơn đã trình bày ở trên và xin miễn toàn bộ số lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Từ những căn cứ có trong hồ sơ và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, có đủ cơ sở đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo số liệu đề nghị chi tiết tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp thanh toán phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh, trong thời hiệu quy định tại điều 319 Luật Thương mại; bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại H, Hà Nội nên sự việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung khởi kiện:

Hợp đồng mua bán hàng hóa số 29042019/HV-TA ngày 18/4/2019 được ký kết bằng văn bản giữa Công ty cổ phần B và Công ty Cổ phần Đ trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của nguyên đơn, bị đơn nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Các tài liệu do nguyên đơn xuất trình thể hiện: Bên bán là Công ty cổ phần B đã chuyển giao hàng hóa theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho bên mua là Công ty Cổ phần Đ với tổng giá trị hàng hóa 3.911.137.500 đồng (ba tỷ, chín trăm mười một triệu, một trăm ba bảy ngàn, năm trăm đồng); bên mua đã đặt cọc, chuyển trả bên bán là Công ty B số tiền là 3.442.265.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Bên bán đã xuất hóa đơn đỏ với giá trị hàng hóa 3.911.137.501 đồng (ba tỷ, chín trăm mười một triệu, một trăm ba bảy ngàn, năm trăm linh một đồng) cho bên mua. Số tiền còn nợ lại là 468.872.500 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Do nhiều hóa đơn cần thanh toán ở nhiều thời điểm khác nhau (từ 22/5/2019 đến tháng 15/01/2020), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả từ thời điểm khoản nợ cuối cùng phát sinh nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/11/2020 là có lợi hơn cho phía nguyên đơn, nên được chấp nhận.

Mức lãi nguyên đơn yêu cầu được thanh toán áp dụng cho toàn bộ các hoá đơn kể từ ngày 01/11/2020 đến hết ngày xét xử 25/6/2025 (kể cả những hoá đơn có thời hạn thanh toán trước ngày 01/11/2020) theo quy định về lãi chậm trả tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (10%/năm) là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương Mại, Điều 468 Bộ luật dân sự về lãi suất chậm trả, không làm bất lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo số liệu chi tiết tại phiên toà, buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán trả nguyên đơn tổng số tiền còn nợ đến hết ngày 25/6/2025 là 662.622.329 đồng (*sáu trăm sáu hai triệu, sáu trăm hai hai ngàn, ba trăm hai chín đồng*). Bao gồm: Toàn bộ số nợ gốc đến hết ngày 25/6/2025 là: 468.872.500 đồng (*bốn trăm sáu tám triệu, tám trăm bảy hai nghìn, năm trăm đồng*) ; Khoản lãi chậm trả cho số tiền gốc chưa thanh toán tính từ ngày chậm trả 01/11/2020, tạm tính đến hết ngày 25/6/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (thấp hơn mức lãi trung bình của các Ngân hàng thương mại) là 193.749.829 đồng (một trăm chín ba triệu, bảy trăm bốn chín ngàn, tám trăm hai chín đồng).

- Và khoản tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ công nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán trả nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 318, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán trả Công ty cổ phần B toàn bộ số tiền còn nợ cho đến hết ngày 25/6/2025 là **662.622.329 đồng** (*sáu trăm sáu hai triệu, sáu trăm hai hai ngàn, ba trăm hai chín đồng*). Bao gồm: Toàn bộ số nợ gốc đến hết ngày 25/6/2025 là: 468.872.500 đồng (*bốn trăm sáu tám triệu, tám trăm bảy hai nghìn, năm trăm đồng*) và khoản lãi chậm trả cho số tiền gốc chưa thanh toán (tính từ ngày chậm trả 01/11/2020), tạm tính đến hết ngày 25/6/2025 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (thấp hơn mức lãi trung bình của các Ngân hàng thương mại) là: 193.749.829 đồng (một trăm chín ba triệu, bảy trăm bốn chín ngàn, tám trăm hai chín đồng).

Theo hợp đồng kinh tế số 29042019/HV-TA đã được ký kết giữa bên bán Công ty cổ phần B và bên mua Công ty Cổ phần Đ ngày 18/4/2019.

Kể từ khi án có hiệu lực, người thi hành án phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Về án phí:

- Công ty Cổ phần Đ phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại làm tròn là 30.504.000 đồng (*ba mươi triệu, năm trăm linh tư ngàn đồng*).

- Trả lại Công ty cổ phần B số tiền 10.360.000 đồng (*mười triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0044487 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hòa